UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ Y TẾ

Số: 15872 /BC-SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình cập nhật, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu lĩnh vực bảo trợ xã hội và cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em Tuần 6 (đến ngày 16/11/2026)

Theo Công văn số 9978/UBND-CATP ngày 02/10/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc triển khai Cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn thành phố, Sở Y tế đã ban hành Công văn số 13614/SYT-BTXH&TE ngày 08/10/2026, đề nghị các đơn vị, địa phương báo cáo hằng tuần về tình hình cập nhật, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu lĩnh vực bảo trợ xã hội và trẻ em.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương và kết quả khai thác trên các cơ sở dữ liệu, Sở Y tế báo cáo tình hình cập nhật, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu lĩnh vực bảo trợ xã hội và cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em tuần 6 (đến ngày **16/11/2026**), cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CẬP NHẬT, LÀM SẠCH, LÀM GIÀU, CHUẨN HÓA DỮ LIỆU

1. Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội

Có 93/93 xã, phường (chưa tính đặc khu) đã thực hiện cập nhật, làm sạch dữ liệu; có 177.588/177.828 đối tượng đã được cập nhật, đạt tỷ lệ 99,87%; có 168.613/177.588 đối tượng đã được làm sạch, đạt tỷ lệ 94,95%; có 6.058 đối tượng chưa khớp với dữ liệu dân cư do C06 cung cấp.

So với tuần 5: số đã cập nhật tăng 2.825 đối tượng (từ 174.763 lên 177.588); số đã làm sạch tăng 2.864 đối tượng (từ 165.749 lên 168.613), tỷ lệ làm sạch tăng 0,11 % (từ 94,84% lên 94,95%); số chưa khớp với dữ liệu dân cư giảm 33 (từ 6.091 xuống 6.058).

2. Cơ sở dữ liệu người khuyết tật

Có 93/93 xã, phường (chưa tính đặc khu) đã thực hiện cập nhật dữ liệu; có 66.643/66.853 đối tượng đã được cập nhật, đạt tỷ lệ 99,69%; có 60.477/66.643 đối tượng đã được làm sạch, đạt tỷ lệ 90,75%; còn 6.166 đối tượng chưa làm sạch; chưa thực hiện đối soát do phần mềm chưa kết nối được với cơ sở dữ liệu dân cư.

So với tuần 5: số đã cập nhật tăng 62 đối tượng (từ 66.581 lên 66.643); số đã làm sạch tăng 303 đối tượng (từ 60.174 lên 60.477), tỷ lệ làm sạch tăng 0,37 điểm phần trăm (từ 90,38% lên 90,75%); số chưa làm sạch giảm 241 đối tượng (từ 6.407 xuống 6.166).

3. Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội

Có 93/93 xã, phường (chưa tính đặc khu), 22/22 bệnh viện, 24/24 cơ sở trợ giúp xã hội và 88/106 cơ sở giáo dục đã thực hiện cập nhật dữ liệu; có 738/738 người làm công tác xã hội đã được cập nhật, đạt tỷ lệ 100%; có 723/738 người đã được làm sạch, đạt tỷ lệ 97,97%; còn 15 người chưa khớp với dữ liệu dân cư do C06 cung cấp.

So với tuần 5: số đã cập nhật tăng 03 người (từ 735 lên 738); số đã làm sạch tăng 04 người (từ 719 lên 723), tỷ lệ làm sạch tăng 0,15% (từ 97,82% lên 97,97%); số chưa khớp dữ liệu dân cư giảm 01 người (từ 16 xuống 15).

4. Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội

Có 24/24 đầu mối cơ sở trợ giúp xã hội trên hệ thống đã thực hiện cập nhật dữ liệu về nhân viên và đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

Có 651/651 nhân viên được cập nhật, đạt tỷ lệ 100%; có 643/651 nhân viên đã được làm sạch, đạt tỷ lệ 98,77%; còn 08 nhân viên chưa khớp với dữ liệu dân cư do C06 cung cấp.

So với tuần 5: số nhân viên đã cập nhật và số đã làm sạch không thay đổi (lần lượt là 651 và 643 người); tỷ lệ làm sạch giữ nguyên 98,77%; số nhân viên chưa khớp dữ liệu dân cư cư do C06 cung cấp giữ nguyên 08 người.

Có 2.055/2.055 đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội được cập nhật, đạt tỷ lệ 100%; có 1.810/2.055 đối tượng đã được làm sạch, đạt tỷ lệ 88,08%; còn 245 đối tượng chưa làm sạch, gồm 27 đối tượng chưa khớp dữ liệu dân cư và 218 đối tượng thiếu thông tin, chưa đủ điều kiện đối soát.

So với tuần 5: số đối tượng đã cập nhật tăng 02 (từ 2.053 lên 2.055); số đã làm sạch tăng 05 (từ 1.805 lên 1.810), tỷ lệ làm sạch tăng 0,16% (từ 87,92% lên 88,08%); số chưa khớp dữ liệu dân cư giảm 03 (từ 30 xuống 27), số đối tượng thiếu thông tin chưa đủ điều kiện đối soát giữ nguyên 218 đối tượng.

5. Cơ sở dữ liệu Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở

Có 93/93 xã, phường (chưa tính đặc khu) đã cập nhật dữ liệu; có 604.612/620.748 trẻ em đã được cập nhật, đạt tỷ lệ 97,40%; có 587.324/604.612 trẻ em đã được làm sạch, đạt tỷ lệ 97,14%; có 17.288 trẻ em chưa khớp với dữ liệu dân cư do C06 cung cấp.

So với tuần 5: số đã cập nhật tăng 4.280 trẻ em (từ 600.332 lên 604.612), tỷ lệ cập nhật tăng 1,04% (từ 96,36% lên 97,40%); số đã làm sạch tăng 2.202 trẻ em (từ 585.122 lên 587.324), tỷ lệ làm sạch giảm 0,33% (từ 97,47% xuống 97,14%); số chưa khớp dữ liệu dân cư tăng 2.078 trẻ em (từ 15.210 lên 17.288).

Nhìn chung, so với tuần 5, tổng số trường hợp chưa khớp với dữ liệu dân cư tăng 2.041 trường hợp (từ 21.355 lên 23.396), gồm: đối tượng trợ giúp xã hội giảm 33 trường hợp; người làm công tác xã hội giảm 01 trường hợp; nhân viên cơ sở trợ giúp xã hội giữ nguyên không thay đổi; đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội giảm 03 trường hợp và dữ liệu trẻ em tăng

2.078 trường hợp. Tổng số này chưa bao gồm 218 trường hợp tại các cơ sở trợ giúp xã hội chưa đủ điều kiện đối soát và 6.166 bản ghi người khuyết tật chưa làm sạch.

(Chi tiết số liệu cập nhật của các đơn vị, địa phương theo Phụ lục 01 đính kèm)

6. Tình hình cập nhật, làm sạch dữ liệu tại một số địa phương, cơ sở

Qua theo dõi, tổng hợp số liệu tại Phụ lục 01, tiến độ cập nhật giữa các cơ sở dữ liệu và giữa các địa phương có sự khác biệt. Đối với cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội và cơ sở dữ liệu người khuyết tật, hầu hết địa phương đã cập nhật đủ số lượng; tuy nhiên, việc làm sạch, đối chiếu và xử lý các trường thông tin chưa đồng đều. Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội và cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội cơ bản đã hoàn thành cập nhật theo số lượng thực tế, trong khi Cơ sở dữ liệu quản lý thông tin trẻ em vẫn còn địa phương chưa cập nhật đầy đủ. Cụ thể:

Đối với cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội, có 91/93 xã, phường đã cập nhật đủ số lượng; các địa phương còn thiếu gồm xã Khâm Đức (376/410, 91,71%), xã Đức Phú (669/875, 76,46%). Về làm sạch, các địa phương có tỷ lệ thấp gồm xã Hùng Sơn (53,29%), xã La Êê (66,09%), xã La Dêê (66,67%), xã Tây Giang (69,72%), xã Hòa Tiến (70,28%), xã Đắc Pring (72,10%), phường Thanh Khê (74,85%), xã Bà Nà (75,28%), xã Hòa Vang (75,68%), xã Thạnh Mỹ (80,27%).

Đối với cơ sở dữ liệu người khuyết tật, có 89/93 xã, phường đã cập nhật đủ số lượng; các địa phương còn thiếu gồm xã Hòa Vang (351/437, 80,32%), xã Tam Xuân (1.796/1.888, 95,13%), xã Trà My (599/623, 96,15%), xã Tây Giang (120/128, 93,75%). Về làm sạch, các địa phương có tỷ lệ thấp gồm xã Avương (0%), xã La Dêê (0,00%), xã La Êê (0%), xã Thạnh Bình (0%), xã Trà Leng (0,0%), xã Đức Phú (6,94%), xã Tam Xuân (7,68%), phường Cẩm Lệ (8,08%), xã Thu Bồn (9,16%), xã Nam Giang (23,16%).

Đối với cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội, số liệu tổng hợp ghi nhận đã cập nhật 738/738 người, đạt 100%; trong đó khối xã, phường cập nhật 295/295 người. Tuy nhiên, số lượng cập nhật tại nhiều địa phương còn ít, có 59/93 xã, phường chỉ cập nhật từ 01 đến 02 người; cần tiếp tục rà soát phạm vi và đối tượng thuộc diện thống kê để tránh bỏ sót. Về làm sạch, hầu hết địa phương đã hoàn thành; riêng xã La Êê mới làm sạch 01/02 trường hợp, đạt 50%.

Đối với cơ sở dữ liệu tại các cơ sở trợ giúp xã hội, 24/24 cơ sở có dữ liệu; số lượng nhân viên đạt 651/651 người và đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng đạt 2.055/2.055 người. Tuy nhiên, tỷ lệ làm sạch dữ liệu đối tượng còn thấp tại một số cơ sở[1]; các cơ sởcần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện thông tin các trường hợp chưa làm sạch.

Đối với Cơ sở dữ liệu quản lý thông tin trẻ em, tỷ lệ cập nhật đạt 97,40% (604.612/620.748 trẻ em). Các địa phương có tỷ lệ cập nhật thấp gồm xã La Êê (65,57%), xã Sông Kôn (68,56%), xã Tam Hải (74,41%), xã Thạnh Bình

[1] Trung tâm Bảo trợ xã hội Đà Nẵng (49,50%), Mái ấm tình thương (65,00%), Cơ sở Bảo trợ xã hội Thiện Nhân (69,23%) và Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Đà Nẵng (76,64%); đối với dữ liệu nhân viên, Trung tâm Bảo trợ trẻ em đường phố Đà Nẵng (66,67%) và Mái ấm tình thương (69,23%).

(74,94%), xã Đông Giang (76,50%), xã Trà Giáp (77,59%), phường Hải Châu (83,59%), xã Hùng Sơn (84,33%). Về làm sạch dữ liệu trẻ em, tỷ lệ thấp tại xã Hùng Sơn (38,78%), xã Sông Kôn (41,20%), xã Avương (48,63%), xã Thạnh Mỹ (65,79%), xã Trà Giáp (75,57%), xã Đức Phú (76,27%), xã Sông Vàng (80,7%), xã Vu Gia (81,39%)…

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Còn 240 đối tượng trợ giúp xã hội, 210 người khuyết tật và 16.136 trẻ em chưa được cập nhật; 18/106 cơ sở giáo dục chưa thực hiện cập nhật dữ liệu người làm công tác xã hội.

2. Tỷ lệ làm sạch dữ liệu người khuyết tật đạt 90,75%, dữ liệu đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội đạt 88,08%; còn 245 đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng chưa làm sạch, trong đó 27 trường hợp chưa khớp dữ liệu dân cư theo kết quả đối soát C06 và 218 trường hợp thiếu thông tin, chưa đủ điều kiện đối soát. Do không có thông tin định danh cá nhân để đối chiếu, xác thực và hoàn thiện các trường thông tin theo yêu cầu, các trường hợp này gặp khó khăn khi xác minh nhân thân, bổ sung dữ liệu định danh và hoàn thiện thông tin trên phần mềm, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ làm sạch chung.

3. Một số lỗi kỹ thuật của hệ thống như sai lệch địa bàn quản lý, trùng mã định danh hoặc không tìm thấy bản ghi, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng làm sạch dữ liệu; hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu người khuyết tật chưa kết nối được với cơ sở dữ liệu dân cư nên chưa thể thực hiện việc đối soát dữ liệu đối với nhóm đối tượng này.

4. Tại một số địa phương, việc phối hợp xác minh, đối chiếu thông tin với cơ quan công an, bộ phận tư pháp - hộ tịch chưa được kịp thời, chặt chẽ; nhân lực cập nhật dữ liệu chủ yếu kiêm nhiệm, chưa nắm đầy đủ các chính sách liên quan.

5. Kết quả làm sạch giữa các địa phương chưa đồng đều; một số địa phương có tỷ lệ làm sạch thấp ở nhiều cơ sở dữ liệu cùng lúc, nhất là cơ sở dữ liệu người khuyết tật và cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em. Một số địa phương đã cập nhật đủ số lượng nhưng tỷ lệ làm sạch còn thấp, cho thấy việc rà soát, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của từng trường thông tin và xử lý bản ghi chưa hoàn tất. Đối với dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội, một số cơ sở đã cập nhật đầy đủ số lượng nhân viên, đối tượng nhưng còn nhiều trường hợp chưa được làm sạch.

6. Việc xác minh, đối chiếu thông tin định danh, cư trú và hộ tịch tại một số địa phương còn mất nhiều thời gian; dữ liệu hộ tịch có trường hợp chưa đầy đủ thông tin nơi thường trú, việc khai thác, trao đổi dữ liệu phải bảo đảm đúng thẩm quyền và quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phạm vi người làm công tác xã hội liên quan nhiều ngành, nhiều nhóm đối tượng nên khó xác định, tập hợp đầy đủ thông tin. Trong khi đó, cán bộ phụ trách chủ yếu kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi, phải cập nhật đồng thời nhiều hệ thống; khối lượng dữ liệu lớn, phần mềm mới triển khai nên một số cán bộ chưa thành thạo thao tác.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND xã, phường, đặc khu

Chỉ đạo Phòng Văn hóa - xã hội tập trung đẩy mạnh việc rà soát, xác minh và cập nhật đầy đủ thông tin trẻ em còn thiếu trên Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; cập nhật đối tượng trợ giúp xã hội và người khuyết tật chưa có dữ liệu; phối hợp với Công an cấp xã, bộ phận tư pháp - hộ tịch xử lý thông tin sai lệch, trùng lặp; báo cáo kết quả, khó khăn về Sở Y tế theo chế độ báo cáo hằng tuần.

2. Đề nghị Công an thành phố

Tiếp tục chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp xác minh thông tin định danh, cư trú đối với các trường hợp còn thiếu hoặc sai lệch; hướng dẫn xử lý các trường hợp cần tra cứu chuyên sâu theo thẩm quyền; hỗ trợ đối soát, xử lý các bản ghi cần rà soát tại các Phụ lục 02, 03, 04, 05 và 06 kèm theo. Đề nghị phối hợp với Sở Y tế thống nhất thời điểm trích xuất và tiêu chí phân loại trạng thái để đối chiếu số liệu tổng hợp với danh sách chi tiết, nhất là số liệu đối tượng trợ giúp xã hội tại Phụ lục 02. Đồng thời, đề nghị hướng dẫn Công an cấp xã phối hợp với các cơ sở trợ giúp xã hội xác minh nhân thân, bổ sung thông tin định danh, giấy tờ cần thiết theo quy định đối với 218 trường hợp còn thiếu thông tin, chưa đủ điều kiện đối soát.

3. Đề nghị Sở Tư pháp

Tiếp tục hướng dẫn, phối hợp xử lý các trường hợp thiếu hoặc sai lệch thông tin hộ tịch; tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ cho bộ phận tư pháp - hộ tịch cấp xã kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và giải quyết theo thẩm quyền, tạo cơ sở cập nhật dữ liệu chính xác, thống nhất, đảm bảo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tiếp tục rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu người làm công tác xã hội; đối chiếu số cơ sở thực tế đã cập nhật trên hệ thống với số cơ sở được tổng hợp tại Phụ lục 01; đối với các trường đại học, phân hiệu và đơn vị thuộc cơ quan quản lý khác, đề nghị phối hợp với cơ quan chủ quản để đôn đốc thực hiện. Đồng thời, phối hợp với UBND cấp xã rà soát danh sách trẻ em chưa cập nhật, nhất là trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục, để bổ sung thông tin kịp thời.

5. Đề nghị các cơ sở trợ giúp xã hội

Khẩn trương rà soát, bổ sung, cập nhật và làm sạch dữ liệu nhân viên, đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng; phối hợp với Công an cấp xã và cơ quan liên quan xác minh, xử lý các trường hợp chưa khớp dữ liệu dân cư; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc về Sở Y tế để tổng hợp, hướng dẫn giải quyết.

6. Đề nghị Cục Bảo trợ xã hội, Cục Bà mẹ và Trẻ em và các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống

Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương và các cơ sở trợ giúp xã hội khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình cập nhật, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu; rà soát, xử lý các lỗi kỹ thuật, nâng cao tốc độ xử lý và hoàn thiện chức năng thông báo cụ thể các trường thông tin sai lệch, không khớp để người dùng thuận tiện kiểm tra, điều chỉnh.

Đối với Cơ sở dữ liệu người khuyết tật, đề nghị Cục Bảo trợ xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan sớm triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời rà soát, bổ sung các trường thông tin còn thiếu, nhất là thông tin về dạng tật, mức độ khuyết tật, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, thống nhất và có thể thực hiện đối soát.

Đối với Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở, đề nghị Cục Bà mẹ và Trẻ em nghiên cứu, bổ sung chức năng cho phép tạo và tải lên tệp dữ liệu theo mẫu đối với các trường hợp cần cập nhật, chỉnh sửa thông tin hoặc xóa dữ liệu trẻ em; hỗ trợ xử lý đồng thời nhiều bản ghi từ tệp tải lên thay vì phải thao tác riêng lẻ từng trường hợp. Qua đó, giảm thời gian xử lý, hạn chế sai sót và nâng cao hiệu quả cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trẻ em tại địa phương.

Trên đây là Báo cáo tình hình cập nhật, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu lĩnh vực bảo trợ xã hội và cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em tuần 6 (đến ngày 16/11/2026). Sở Y tế kính báo cáo UBND thành phố, Công an thành phố./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố;
- Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế);
- Cục Bà mẹ và Trẻ em (Bộ Y tế);
- Công an thành phố;
- Các Sở: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Giám đốc Sở;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng VH-XH xã, phường;
- Các CSTGXH trên địa bàn thành phố;
- CPVP Sở;
- Lưu: VT, BTXH&TE.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đoàn Thị Hoài Nhi